TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 294/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hăng;

2. Ông Ngô Văn Thi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 2 năm 2022 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị Huỳnh N**, sinh năm: 1995.
Cư trú: Tổ 2, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Bảo C,** sinh năm: 1995.

Cư trú: Tổ 5, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà N, ông C có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Huỳnh Thị Huỳnh N trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông C được hình thành là do hai bên tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 153 ngày 29/12/2017. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hòa hợp, ông C không quan tâm đến

cuộc sống vợ chồng. Cho đến ngày 30/4/2018 thì ông C bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Gia đình hai bên đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Do bà không còn tình cảm với ông C nên xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông C không có con chung.

Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2022, bà N xác định 06 chỉ vàng 24 kra gồm: 01 cộng dây chuyền 03 chỉ vàng 24 kra, 01 dây tay 02 chỉ vàng 24 kra và 01 đôi bông cưới 01 chỉ vàng 24 kra, bà đang quản lý. Đây là vàng cưới cha mẹ chồng cho riêng bà trong ngày cưới nên là tài sản riêng. Bà không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của ông C. Tuy nhiên, tại Biên bản lời khai ngày 23/3/2022 bà N trình bày: Sau khi cưới ông C cùng bà lên Bình Dương làm thuê nhưng thời gian đầu hơn 01 tháng ông C không xin được việc làm, không có tiền chi tiêu nên bà đã bán hết 06 chỉ vàng 24 kra để dùng vào việc chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày, việc bán vàng bà không nói cho ông C biết vì nghỉ vàng của mẹ chồng cho riêng bà.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Bảo C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện tại ông không còn tình cảm với bà N nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N không có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông và bà N có 06 chỉ vàng 24 kra gồm: 01 cộng dây chuyền 03 chỉ vàng 24 kra, 01 dây tay 02 chỉ vàng 24 kra và 01 đôi bông cưới 01 chỉ vàng 24 kra. Đây là vàng cưới của cha mẹ ông cho vợ chồng ông trong ngày cưới, hiện do bà N đang quản lý. Nay ông yêu cầu bà N phải chia lại ½ vàng cưới là 03 chỉ vàng 24 kra.

Về nợ chung: Không có.

Chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Các đương sự thống nhất, không bổ sung chứng cứ mới và không có ý kiến.

Tại phiên toà:

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông C, không đồng ý chia cho ông C 03 chỉ vàng 24 kra loại vàng 9999 và xác định không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Ông C đồng ý ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung là 06 chỉ vàng 24 kra, bà N phải chia lại cho ông 03 chỉ vàng 24 kra loại vàng 9999.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà N, ông C có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian mâu thuẫn đã lâu nhưng hai bên không có giải pháp hàn gắn, ông C cũng đồng ý ly hôn với bà N. Đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà N, ông C xác định không có con chung, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Xét yêu cầu của ông C là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Huỳnh Thị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Bảo C. Ông C cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông C, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C phát sinh từ năm 2018 và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông C đồng ý lý hôn với bà N nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Các đương sự xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Xét yêu cầu của ông C về việc buộc bà N phải chia lại cho ông 03 chỉ vàng 24 kra, Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đều thừa nhận ngày cưới cha mẹ ông C có cho 06 chỉ vàng 24 kra (loại vàng 9999) gồm: 01 cộng dây chuyền 03 chỉ vàng 24 kra, 01 dây tay 02 chỉ vàng 24 kra và 01 đôi bông cưới 01 chỉ vàng 24 kra. Bà N xác định đây là tài sản riêng của bà, do cha mẹ ông C cho riêng bà trong ngày cưới, trong quá trình hòa gải bà như xác định hiện đang quảng lý 06 chỉ vàng 24 kra nhưng tại biên bản ghi lời khai thì bà như xác định đã bán để dùng vào việc chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày trong thời gian ông C chưa xin được việc. Còn ông C cho rằng cha mẹ ông cho vợ chồng nên là tài sản chung, khi sống ly thân 06 chỉ vàng 24 kra do bà N quản lý, việc bà N cho rằng bán để chi tiêu trong thười gian ông chưa sinh được việc là không có, vì khi đó bà N vẫn đi làm, sau khi xin được việc thì toàn bộ tiền lương ông giao cho bà N quản lý. Tòa án đã ra Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu bà N cung cấp tài liêu, chứng cứ chứng minh 06 chỉ vàng 24kra là tài sản riêng của bà, chứng cứ chứng minh bà đã bán số vàng trên và tiêu xài trong thời gian chung sống với ông C nhưng đến nay bà N không cung cấp thêm cho Tòa án

chứng cứ gì ngoài lời bày của bà. Qua lời khai của bà Huỳnh Thị N - mẹ ruột ông C xác định 06 chỉ vàng 24 kra là bà cho chung vợ chồng bà N, ông C. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 23/3/2022 bà N xác định: bà và ông C đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2017 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C; đến ngày 28/12/2017 cha mẹ ông C tặng, cho vàng cưới nên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tài sản của vợ chồng tạo lập, được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Từ những phân tích trên đã đủ căn cứ khẳng định 06 chỉ vàng 24 kra là do bà N quản lý trong thời gian sống ly thân với ông C và là tài sản chung của bà N và ông C nên yêu cầu của ông C là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận, buộc bà N phải có nghĩa vụ giao lại ông C 03 chỉ vàng 24 kara, loại vàng 9999.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà N, ông C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Giá vàng 24kra, loại vàng 9999 tại thời điểm xét xử 5.205.000 đồng/01 chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Huỳnh N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Bảo C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 153 ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ký.

Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Bảo C.

Buộc bà Huỳnh Thị Huỳnh N giao lại cho ông Nguyễn Văn Bảo C 03 (ba) chỉ vàng 24 kra, loại vàng 9999.

Bà N được tiếp tục sở hữu 03 chỉ vàng 24 kra, loại vàng 9999.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 780.000 đồng án phí chia tài sản chung sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006875 ngày 15/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà N phải nộp thêm 780.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Bảo C phải chịu 780.000 đồng án phí chia tài sản chung sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án án (ngày 05/7/2022).

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang